TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 - 2020
V/v tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Nguyễn Bé C,** sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 5, khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị L**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 5, khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Bé C trình bày: Vào năm 1999, ông và bà Nguyễn Thị L quen biết, yêu thương và chung sống với nhau, đến ngày 16/12/2002 thì ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện H tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng ông sống rất hạnh phúc và có 02 người con chung là cháu Nguyễn Chí Tâm, sinh ngày 08/10/2000 và cháu Nguyễn Thanh Cần, sinh ngày 30/07/2004. Từ khi có con, ông đi làm ngư phủ vài tháng mới về nhà một lần nên không hay biết vợ ông có quan hệ bất C với người đàn ông khác trong thời gian khoảng 10 năm. Khi ông biết được, ông vị tha và khuyên can vợ ông chấm dứt quan hệ nhiều lần nhưng vợ ông không nghe. Đến đầu tháng 11/2020, ông bắt gặp quả tang vợ ông ngoại tình, từ đó ông không chấp nhận và đuổi vợ ra khỏi nhà. Đến tối ngày 09/01/2021, ông và vợ ông vào nhà nghỉ tâm sự lần cuối, lợi dụng lúc ông ngủ say, vợ ông đã

dùng cây dao cán vàng cắt gần đứt lìa dương vật của ông và đâm ông một nhát vào mạn sườn bên trái, sau đó ông được đưa đi cấp cứu. Từ sự việc trên, ông xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài nên khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Về con, cháu lớn đã trưởng thành, còn cháu nhỏ nếu muốn ở với ông, ông sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có và ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày mặc dù vợ ông gây thương tích cho ông nhưng tỷ lệ thương tích dưới 11% và vì các con nên ông không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ L vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị L nhưng bà L không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng và tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà L chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày ngày 16/12/2002, dó đó hôn nhân giữa ông C và bà L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông C, Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc, hòa thuận và thương yêu nhau, nhưng càng về sau tình cảm vợ chồng rạn nứt, nguyên nhân theo ông C là do vợ ông bà L có quan hệ tình cảm nam nữ ngoài vợ chồng, ông khuyên can nhiều lần nhưng bà L không từ bỏ, nên vợ chồng nảy sinh cự cãi, mâu thuẫn, đỉnh điểm là sự việc bà L gây thương tích cho ông vào ngày 09/01/2021. Mặc dù ông xuất trình các chứng cứ là Giấy hẹn khám sức khỏe, Giấy chứng nhận phẫu thuật và Giấy ra viện (bản gốc) nhưng chỉ thể hiện vết thương khai bị chém nên chưa đủ cơ sở chứng minh thương tích của ông do bà L gây nên. Tuy nhiên, xét thấy ông không còn tình cảm với vợ và sống ly thân với bà L từ năm 2020 cho đến nay, cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông với bà L không còn hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho ông C ly hôn với bà L, là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Ông C, bà L có 02 con chung, nhưng hiện nay cháu Nguyễn Chí Tâm, sinh ngày 08/10/2000 đã trưởng thành, còn cháu Nguyễn Thanh Cần, sinh ngày 30/07/2004 hiện đang sống với ông C, ông C vẫn đảm cuộc sống cho con và cháu Cần có nguyện vọng muốn ở với ông C, nên Hội đồng xét xử xét

nên giao cháu cháu Cần cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông C yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 2, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Bé C ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Cần, sinh ngày 30/07/2004 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Cần đủ 18 tuổi và bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Ông C cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Bé C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông C đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002631 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Bé C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND thị trấn S;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai